

Số: 221/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 06 tháng 02 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Công thương tỉnh Đắk Nông

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công thương tại Tờ trình số 07/TTr-SCT ngày 31 tháng 01 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Công thương tỉnh Đắk Nông.

Điều 2. Giao Văn phòng UBND tỉnh cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và niêm yết, công khai tại Trung tâm hành chính công; UBND các huyện, thị xã có trách nhiệm niêm yết, công khai tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và bãi bỏ các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước tại Quyết định số 649/QĐ-UBND ngày 29/4/2016, Quyết định số 650/QĐ-UBND ngày 29/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Công thương; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC - Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công thương;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Hành chính công;
- Lưu: VT, KSTT.

**KT. CHỦ TỊCH
ĐẠI BIỂU CHỦ TỊCH**

Cao Huy

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH ĐẮK NÔNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

1. Danh mục TTHC mới ban hành

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước					
1	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	Tổng: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày làm việc; - Sở Công thương: 14,5 ngày làm việc.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Hành chính công tỉnh Đắk Nông, địa chỉ: Số 01, đường Điều Ong, phường Nghĩa Trung, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.	- Khu vực thị xã: + Chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Khu vực khác là 50% mức phí của địa bàn thị xã. (Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài Chính).	Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.
2	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu	Tổng: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận	//	//	//

	công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	đủ hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày làm việc; - Sở Công thương: 6,5 ngày làm việc.			
3	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	Tổng: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày làm việc; - Sở Công thương: 6,5 ngày làm việc.	//	//	//
4	Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	Tổng: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày làm việc; - Sở Công thương: 14,5 ngày làm việc.	//	//	//
5	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	Tổng: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày làm việc; - Sở Công thương: 6,5	//	//	//

		ngày làm việc.			
6	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	Tổng: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Công thương: 6,5 ngày.	//	//	//

2. Danh mục TTHC được sửa đổi, bổ sung

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước					
1	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	Tổng: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày làm việc; - Sở Công thương: 9,5 ngày làm việc.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Hành chính công tỉnh Đắk Nông, địa chỉ: Số 01, đường Điều Ong, phường Nghĩa Trung, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.	- Khu vực thị xã: + Chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Khu vực khác là 50% mức phí của địa bàn thị xã. <i>(Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài Chính)</i>	- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ. - Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương. - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ.

2	Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	<p>Tổng: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày làm việc; - Sở Công thương: 14,5 ngày làm việc. 	//	//	//
3	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	<p>Tổng: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày làm việc; - Sở Công thương: 14,5 ngày làm việc. 	//	//	//
4	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	<p>Tổng: 15 ngày làm việc cắt giảm thời gian giải quyết còn 12 ngày làm việc theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 07/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày làm việc; - Sở Công thương: 11,5 ngày làm việc. 	//	//	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ. - Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương. - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ; - Quyết định số

					389/QĐ-UBND ngày 07/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông.
5	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	Tổng: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày làm việc; - Sở Công thương: 14,5 ngày làm việc.	//	- Khu vực thị xã: + Chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Khu vực khác là 50% mức phí của địa bàn thị xã. <i>(Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài Chính)</i>	//
6	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	Tổng: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày làm việc; - Sở Công thương: 14,5 ngày làm việc.	//	//	//

7	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	<p>Tổng: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày làm việc; - Sở Công thương: 9,5 ngày làm việc. 	//	//	//
8	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công thương	<p>Tổng: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày làm việc; - Sở Công thương: 19,5 ngày làm việc. <p>Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung.</p>	<p>Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Hành chính công tỉnh Đắk Nông, địa chỉ: Số 01, đường Điều Ong, phường Nghĩa Trung, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.</p>	//	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ. - Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. - Thông tư số 28/2017/TT-BCT ngày 08/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
9	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở	<p>Tổng: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày làm việc; 	//	//	//

	Công thương	<p>- Sở Công thương: 19,5 ngày làm việc.</p> <p>Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung.</p>			
10	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công thương	<p>Tổng: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ:</p> <p>- Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày làm việc;</p> <p>- Sở Công thương: 19,5 ngày làm việc.</p> <p>Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung.</p>	//	//	//
11	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	<p>Tổng: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ:</p>	//	//	//

		<p>- Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày làm việc;</p> <p>- Sở Công thương: 19,5 ngày làm việc.</p> <p>Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung.</p>			
12	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	<p>Tổng: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ:</p> <p>- Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày làm việc;</p> <p>- Sở Công thương: 19,5 ngày làm việc.</p> <p>Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung;</p>	//	//	//

13	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	<p>Tổng: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày làm việc; - Sở Công thương: 19,5 ngày làm việc. <p>Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung;</p>	//	//	//
14	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	<p>Tổng: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày làm việc; - Sở Công thương: 19,5 ngày làm việc. <p>Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân,</p>	//	//	//

		<p>co quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung;</p>			
15	<p>Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận của hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu</p>	<p>Tổng: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày làm việc; - Sở Công thương: 19,5 ngày làm việc. <p>Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung.</p>	//	//	//
16	<p>Cấp lại Giấy chứng nhận của hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu</p>	<p>Tổng: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày làm việc; - Sở Công thương: 	//	//	//

		19,5 ngày làm việc. Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung.			
Tổng: 22 TTHC					

3. Danh mục TTHC bị hủy bỏ, bãi bỏ

TT	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý
1	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.
2	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	nt
3	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	nt
4	Cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu	nt
5	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu	nt
6	Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu	nt

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

1. Danh mục TTHC mới ban hành

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước					
1	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Tổng: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Kết quả của UBND cấp huyện.	- Khu vực thị xã: + Chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Khu vực khác là 50% mức phí của địa bàn thị xã. <i>(Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài Chính)</i>	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài Chính.
2	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản	Tổng: 07 ngày	//	//	//

	xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
3	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Tổng: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	//	//	//
4	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	Tổng: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	//	//	//
5	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	Tổng: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	//	//	//
6	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu	Tổng: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	//	- Khu vực thị xã: + Chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần	//

				thẩm định. - Khu vực khác là 50% mức phí của địa bàn thị xã. (Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài Chính)	
7	Cấp Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn huyện, thị xã thuộc tỉnh	Tổng: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	//	//	//
8	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn huyện, thị xã thuộc tỉnh	Tổng: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	//	//	//
9	Cấp lại Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn huyện, thị xã thuộc tỉnh	Tổng: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	//	//	//

2. Danh mục TTHC được sửa đổi, bổ sung

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước					
1	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Tổng: 15 ngày làm việc cắt giảm còn 12	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và	- Khu vực thị xã: + Chủ thể kinh doanh là tổ chức,	- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính

		ngày làm việc theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 07/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông	Kết quả của UBND cấp huyện.	doanh nghiệp là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân là 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Khu vực khác là 50% mức phí của địa bàn thị xã. (Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài Chính)	phủ. - Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương. - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài Chính. - Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 07/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông.
2	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Tổng: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	//	//	//
3	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Tổng: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	//	//	//
Tổng: 12 TTHC					

3. Danh mục TTHC bãi bỏ

TT	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý
1	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.
2	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	nt
3	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	nt
4	Cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu	nt
5	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu	nt
6	Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu	nt

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

Danh mục TTHC bị hủy bỏ, bãi bỏ

TT	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý
1	Cấp Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại	Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.
2	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại	nt
3	Cấp lại Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại	nt